|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số: …/2025/QH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO 4**

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

 *Căn cứ*[*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx)*;*

 *Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của*[*Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-2015-282382.aspx) *68/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14.*

 **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

 “3. Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn (tiêu chuẩn hóa) bao gồm các hoạt động xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn.”.

 b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

 “5. Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

 Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động: thử nghiệm; hiệu chuẩn; giám định; kiểm định; xác nhận giá trị sử dụng; kiểm tra xác nhận; xét nghiệm y tế; chứng nhận hợp chuẩn; chứng nhận hợp quy; công nhận năng lực của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức sản xuất mẫu chuẩn, tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo và các hoạt động khác có liên quan theo pháp luật chuyên ngành, bao gồm: kiểm nghiệm thuốc thú y; kiểm định thuốc thú y; kiểm nghiệm thực phẩm; kiểm nghiệm thuốc; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; xét nghiệm thú y.”.

 c) Bổ sung các khoản 5a, 5b, 5c, 5d, 5đ, 5e, 5g vào sau khoản 5 như sau:

 “5a. Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại khoản 5 Điều này, trừ hoạt động công nhận.

 5b. Thử nghiệm là việc xác định một hay nhiều đặc tính của đối tượng thuộc hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo một quy trình nhất định.

 5c. Giám định là việc kiểm tra và xác định sự phù hợp của đối tượng thuộc hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật với các yêu cầu cụ thể hoặc các yêu cầu chung.

 5d. Kiểm định là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định nhằm đánh giá và xác nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

 5đ. Xác nhận giá trị sử dụng là việc xác nhận tính hợp lý của việc công bố sự phù hợp liên quan đến mục đích sử dụng đối với dự kiến hoặc kết quả dự kiến thông qua việc cung cấp bằng chứng chứng minh các yêu cầu được thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 5e. Kiểm tra xác nhận là việc xác nhận sự chính xác của việc công bố sự phù hợp liên quan đến sự kiện đã xảy ra hoặc kết quả đã đạt được thông qua việc cung cấp bằng chứng chứng minh các yêu cầu được thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 5g. Mẫu chuẩn là vật liệu có độ đồng nhất và ổn định nhất định đối với một hoặc một số thuộc tính, được thiết lập phù hợp với mục đích sử dụng dự kiến trong quá trình đo.

 5h. Thử nghiệm thành thạo là đánh giá kết quả thực hiện của các phòng thử nghiệm tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo theo tiêu chí đã được thiết lập thông qua so sánh liên phòng.”.

 d) Sửa đổi, bổ sung các khoản 6, 7 như sau:

 “6. Chứng nhận hợp chuẩn là việc đánh giá và xác nhận đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

 7. Chứng nhận hợp quy là việc đánh giá và xác nhận đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.”.

 đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

 “10. Công nhận là việc xác nhận tổ chức thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận, giám định, kiểm định, sản xuất mẫu chuẩn, cung cấp thử nghiệm thành thạo, xét nghiệm y tế, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận và các tổ chức đánh giá sự phù hợp liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành có năng lực phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng.”.

 e) Bổ sung các khoản 11, 12, 13, 14, 15 vào sau khoản 10 như sau:

 “11. Hạ tầng chất lượng quốc gia là kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa để hỗ trợ và nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường của một quốc gia.

 12. Tiêu chuẩn quốc gia là tiêu chuẩn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.

 13. Tiêu chuẩn quốc tế là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế hoặc tổ chức quốc tế có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn công bố.

 14. Tiêu chuẩn khu vực là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực hoặc tổ chức khu vực có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn công bố.

 15. Tiêu chuẩn cơ sở là tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp công bố để áp dụng cho các hoạt động trong phạm vi của tổ chức đó.”.

 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

 **“Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phổ cập tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thông qua các chương trình, tài liệu, khóa đào tạo, bồi dưỡng trong các cơ sở giáo dục đào tạo.

 2. Đảm bảo kinh phí cho các cơ quan, tổ chức của nhà nước tham gia các hoạt động hợp tác, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đào tạo phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

 3. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia, tạo điều kiện xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia và yêu cầu hội nhập quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước.

 4. Phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối và chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp; thúc đẩy tiêu chuẩn về chuyển đổi số, số hoá, định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng, kết nối toàn cầu.

 5. Tập trung nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và nước ngoài cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

 6. Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đầu tư phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 7. Nhà nước hỗ trợ nguồn lực để các đại diện của Việt Nam tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên.

 8. Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.”.

 3. Bổ sung các Điều 8a, 8b, 8c vào sau Điều 8 như sau:

 “**Điều 8a. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia**

 1. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa phục vụ việc hình thành và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng kinh tế trọng điểm và địa phương.

 2. Nội dung của Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia bao gồm:

 a) Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu;

 b) Các nhiệm vụ;

 c) Các giải pháp thực hiện;

 d) Chương trình, đề án, dự án trọng điểm;

 đ) Kế hoạch, nguồn lực thực hiện.

 3. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

 a) Đưa tiêu chuẩn hóa trở thành động lực quan trọng, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

 b) Định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phục vụ việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, các mục tiêu ưu tiên trong phát triển kinh tế xã hội, ngành, lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và yêu cầu hội nhập quốc tế;

 c) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn hóa; chủ động tham gia vào quá trình xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; nâng cao năng lực thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

 d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vựa tiêu chuẩn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia vào công tác tiêu chuẩn hóa.

 4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia theo từng thời kỳ.

 **Điều 8b. Minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

 1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực thi các nghĩa vụ minh bạch hóa và tuân thủ các nguyên tắc về thông báo, công bố thông tin, hỏi đáp, xử lý quan ngại thương mại về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp theo các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

 2. Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối quốc gia tham gia đàm phán và thực thi các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

 Bộ Khoa học và Công nghệ có vai trò chủ trì, điều phối và kiểm soát chung các hoạt động liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong thương mại và phân tích đánh giá tác động của các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các hiệp định thương mại tự do đối với sản phẩm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

 a) Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với các điểm thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các bộ ngành và địa phương.

 b) Hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, có chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận các thị trường trọng điểm, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu.

 c) Triển khai công tác tuyên truyền trong và ngoài nước về thực thi các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

**Điều 8c. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bao gồm các cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương và các tài liệu kỹ thuật khác có liên quan; được xây dựng, vận hành, cập nhật và duy trì để đáp ứng yêu cầu truy cập, khai thác thông tin, phục vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương; việc xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác, kết nối, chia sẻ, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, cập nhật, duy trì và khai thác theo quy định của pháp luật; đảo đảm thống nhất kết nối giữa các bộ ngành, giữa trung ương với địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và khung kiến trúc Chính phủ điện tử; tuân thủ các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan.

 3. Nhà nước đầu tư xây dựng và đảm bảo điều kiện vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

 Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

 Các bộ, ngành, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, cập nhật các cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương và các tài liệu kỹ thuật khác có liên quan, dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành bảo đảm theo quy định của pháp luật.

 Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Nội dung thông báo gồm thông tin về tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở và thông tin về tên, số hiệu, đặc tính cơ bản của tiêu chuẩn cơ sở.

 Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia xây dựng, cập nhật, chia sẻ dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.”.

 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

 “**Điều 11. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố, thông báo, áp dụng tiêu chuẩn**

 1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia.

 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, công bố và thông báo tiêu chuẩn quốc gia, trừ đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, cơ yếu.

 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, công bố và thông báo tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, cơ yếu theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

 4. Đối với các tiêu chuẩn quốc gia bị bãi bỏ khi đang áp dụng theo các dự án, văn bản, thỏa thuận giữa các bên đã được phê duyệt, ký kết thì được phép tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn đó, trừ trường hợp có yêu cầu thay thế tiêu chuẩn mới từ cơ quan, tổ chức, cá nhân phê duyệt dự án hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền căn cứ yêu cầu quản lý, năng lực kỹ thuật, trình độ công nghệ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

 5. Các tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở bao gồm:

 a) Tổ chức kinh tế;

 b) Cơ quan nhà nước;

 c) Đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

 d) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp.”.

 5. Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 15 như sau:

 “4. Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được hưởng ưu đãi, ưu tiên xét tặng giải thưởng về khoa học công nghệ và các quy định pháp luật liên quan.

 5. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để xây dựng tiêu chuẩn.”.

 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

 a) Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

 “d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại Điều 18 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;”.

 b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

 “3a. Xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn:

 a) Việc xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với tiêu chuẩn quốc gia xây dựng trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; trường hợp cần bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trái pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

 b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng trong các trường hợp theo quy định tại điểm a khoản này.

 c) Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn:

 c1) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc soạn thảo tiêu chuẩn quốc gia;

 c2) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có thể tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của tiêu chuẩn quốc gia, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường hợp lấy ý kiến, thời hạn lấy ý kiến không quá mười lăm ngày;

 c3) Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia;

 c4) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định nhất trí với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia. Trường hợp không đạt được sự nhất trí giữa hai bên, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

 c5) Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai việc công bố tiêu chuẩn quốc gia chậm nhất là năm ngày kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.”.

 c) Bổ sung khoản 3b vào sau khoản 3a như sau:

 “3b. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, cơ yếu được quy định như sau:

 a) Căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia với sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước;

 b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;

 c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nghiên cứu tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia;

 d) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoàn chỉnh dự thảo và công bố tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có kết luận của hội đồng thẩm định.”.

 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

 “1. Xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia

 a) Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày tiêu chuẩn quốc gia được công bố.

 b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình tổ chức xây dựng dự thảo, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đối với các tiêu chuẩn được sử dụng làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia.

 c) Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước; tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được xuất bản và phát hành công khai, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

 d) Sau khi tiêu chuẩn quốc gia được xuất bản, phát hành, việc đính chính tiêu chuẩn quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện dựa trên cơ sở kết quả rà soát tiêu chuẩn quốc gia hoặc đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.

 Việc đính chính tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện đối với tiêu chuẩn quốc gia có sai lỗi về thể thức trình bày, số hiệu tiêu chuẩn, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn.

 đ) Chính phủ quy định chi tiết hoạt động xuất bản, phát hành, đính chính tiêu chuẩn quốc gia.”.

 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“**Điều 27. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng, lập báo cáo đánh giá tác động với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý.

Chính phủ quy định việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xây dựng, lập báo cáo đánh giá tác động với sự tham gia của cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về môi trường cho phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thuỷ văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương .”.

 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

 “1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:

 a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Điều 27 của Luật này tổ chức việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các tổ chức khác có liên quan, người tiêu dùng và các chuyên gia; thực hiện đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

 b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, công khai của tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tổ chức hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các bên có liên quan để góp ý về dự thảo. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là sáu mươi ngày;

 c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân, đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của mình;

 d) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức thẩm định nội dung, các yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, lập hồ sơ dự thảo gửi lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ;

 đ) Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến góp ý đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, báo cáo đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy chuẩn kỹ thuật; không tạo ra các rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xuất, nhập khẩu; đồng thời đáp ứng việc tuân thủ quy định, cam kết quốc tế đối với hàng rào kỹ thuật trong thương mại tại các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên. Thời hạn có ý kiến không quá ba mươi ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;

 e) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoàn chỉnh dự thảo và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trường hợp có ý kiến khác với ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

 2. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

 a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

 b) Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, công khai của tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương; tổ chức hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các bên có liên quan để góp ý về dự thảo. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là sáu mươi ngày;

 c) Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, lập hồ sơ dự thảo và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này để lấy ý kiến;

 d) Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này.

 3. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, cơ yếu được quy định như sau:

 a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Điều 27 của Luật này tổ chức việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước;

 b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;

 c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nghiên cứu tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

 d) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoàn chỉnh dự thảo và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có kết luận của hội đồng thẩm định.

 4. Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

 a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với quy chuẩn kỹ thuật thuộc thẩm quyền ban hành trong các trường hợp sau:

 a1) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

 a2) Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của quy chuẩn kỹ thuật để kịp thời bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

 a3) Trường hợp cần bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội; trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

 b) Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định,ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

 b1) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức việc soạn thảo;

 b2) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Thời hạn lấy ý kiến không quá hai mươi ngày;

 b3) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

 b4) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoàn chỉnh dự thảo và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày có kết luận của hội đồng thẩm định.

 Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoàn chỉnh dự thảo và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại  khoản 1 Điều 27 của Luật này.

 b5) Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày ban hành, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật thông báo quy chuẩn kỹ thuật .

 b6) Đối với quy chuẩn kỹ thuật có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, cơ yếu, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quyết định việc tổ chức soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và tổ chức thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo các quy trình tại điểm b khoản này và theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

 5. Quy chuẩn kỹ thuật được đính chính dựa trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị đính chính của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.

 Quy chuẩn kỹ thuật được đính chính khi có sai sót về thể thức trình bày, số hiệu, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật.”.

6. Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động và trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 48 như sau:

 “1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo một trong các biện pháp sau:

 a) Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật.

 b) Kết quả chứng nhận được thừa nhận theo quy định tại Điều 57;

 c) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm.

 Thử nghiệm phục vụ chứng nhận của tổ chức chứng nhận, tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc kết quả thử nghiệm được thừa nhận theo quy định tại Điều 57.”.

 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

 **“Điều 50. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp**

 1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước, bao gồm:

 a) Đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

 b) Doanh nghiệp.

 2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam.

 3. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thành lập tại nước ngoài.”.

 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

 **“Điều 51. Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp**

1.Tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước và tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

 a) Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp.

 b) Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

 c) Đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 d) Đáp ứng các điều kiện khác đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật liên quan.

 2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thành lập tại nước ngoài được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

 a) Là tổ chức thuộc quốc gia thành viên tham gia Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên;

 b) Đáp ứng yêu cầu tại Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên;

 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

 **“Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp**

1. Quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp

a) Tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trên cơ sở đề nghị, thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực đã đăng ký hoạt động hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

 b) Được thanh toán chi phí theo thoả thuận với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đánh giá sự phù hợp hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 c) Cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy xác nhận sự phù hợp, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy đã cấp cho các đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.

 d) Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả đánh giá sự phù hợp cho bên thứ ba, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

 đ) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

 e) Thu chi phí từ hoạt động đánh giá sự phù hợp.

 g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

 2. Nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp

a) Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

 b) Cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.

 c) Không được từ chối cung cấp dịch vụ khi không có lý do chính đáng.

 d) Bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

 đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác và không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

 e) Tuân thủ trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

 g) Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy xác nhận sự phù hợp và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy.

 h) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động đánh giá sự phù hợp.

 i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá sự phù hợp.

 k) Bồi thường thiệt hại phát sinh cho tổ chức, cá nhân yêu cầu đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp cung cấp sai kết quả đánh giá sự phù hợp.

 l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”.

 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 53 như sau:

 **“**1. Hoạt động công nhận được tiến hành đối với các tổ chức sau đây:

 a) Tổ chức thử nghiệm;

 b) Tổ chức hiệu chuẩn;

 c) Tổ chức chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ và môi trường);

 d) Tổ chức giám định;

 đ) Tổ chức kiểm định;

 e) Tổ chức sản xuất mẫu chuẩn;

 g) Tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo;

 h) Phòng xét nghiệm y tế;

 i) Tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng;

 l) Tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận;

 m) Các tổ chức đánh giá sự phù hợp khác có liên quan: tổ chức kiểm nghiệm thuốc; tổ chức kiểm nghiệm thực phẩm; tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; tổ chức xét nghiệm thú y.”.

 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

 “**Điều 57. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp**

 1. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau

 a) Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau bao gồm:

 a1) Việc Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

 a2) Việc tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận của Việt Nam và tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận của các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện trên cơ sở thoả thuận giữa các bên.

 b) Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau quy định tại khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

 2. Thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp

 a) Cơ quan quản lý nhà nước xem xét, quyết định việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế, nước ngoài để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

 b) Kết quả đánh giá sự phù hợp phải được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế, nước ngoài được một trong các tổ chức công nhận là thành viên ký thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm Quốc tế (ILAC), Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APAC) đánh giá và công nhận về năng lực đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia tương ứng.

 c) Theo yêu cầu thực tiễn của quản lý chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước được xem xét, quyết định thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức đánh giá sự phù hợp ngoài các kết quả đánh giá sự phù hợp quy định tại điểm b khoản này.

 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 59 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

 “a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; xây dựng và triển khai Chiến lược Tiêu chuẩn hoá quốc gia;”.

 b) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

 “d) Tổ chức xây dựng, đánh giá tác động, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý đảm bảo kịp thời, đầy đủ các đối tượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội; góp ý hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng; hướng dẫn xây dựng quy chuẩn kỹ thuật;”.

 c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

 “đ) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành văn bản quản lý, hướng dẫn hoạt động đánh giá sự phù hợp và hệ thống quản lý tiên tiến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp;”.

 d) Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e như sau:

 “e1) Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;”.

 đ) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

 “g) Đại diện của Việt Nam tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực; quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật”.

 e) Bổ sung điểm l vào sau điểm k như sau:

 “l. Phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán ngân sách hằng năm để bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các hoạt động hợp tác quốc tế, thực hiện nghĩa vụ thành viên chính thức của Việt Nam tại các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế, khu vực.

 Việc bố trí kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước;”.

 g) Bổ sung điểm m vào sau điểm l như sau:

 “m. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan tìm kiếm, chuyển giao, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài để phục vụ quốc phòng, an ninh.”.

 17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 60 như sau:

 a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

 “b) Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tổ chức xây dựng, đánh giá tác động, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý đảm bảo kịp thời, đầy đủ các đối tượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội;”.

 b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

 “Đề xuất kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực được phân công quản lý đảm bảo kịp thời, đầy đủ các đối tượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội;”.

 c) Bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 1 Điều 60 như sau:

 “l. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.”.

 d) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

 “1a. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng đặc thù thuộc lĩnh vực cơ yếu.”.

 **Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

 1. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:

 a) Thay thế từ “chứng nhận” bằng từ “đánh giá” tại tên Mục 4 Chương IV.

 b) Thay thế từ “hủy bỏ” bằng từ “bãi bỏ” tại: Điều 19; khoản 1 Điều 22; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 36.

 c) Thay thế từ “đơn vị sự nghiệp khoa học” bằng từ “tổ chức khoa học và công nghệ” tại khoản 1 Điều 54.

 d) Bỏ cụm từ “trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khoẻ, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn” tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17.

 đ) Bỏ từ “thẩm định” tại điểm a khoản 3 Điều 35.

 2. Bãi bỏ Điều 33, Điều 69; Điều 71 và Chương VI.

 **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

 1. Bãi bỏ, bỏ một số quy định của [Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-tai-nguyen-nuoc-2012-142767.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo [Luật số 35/2018/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-sua-doi-cac-Luat-co-lien-quan-den-quy-hoach-2018-390511.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) như sau:

 a) Bỏ cụm từ “tổ chức đánh giá sự phù hợp” tại tên mục 3, Chương II.

 b) Bãi bỏ Điều 19, Điều 20 và Điều 25.

 2. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

 **Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

 Trường hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được tổ chức xây dựng, thẩm định trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được công bố, ban hành thì cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

 *Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...*

 **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**